


BẢNG GIÁ TERMINAL BLOCKS CONNECTWELL





Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kĩ thuật	Đơn Giá VND
Phiên nối (U Series) kiểu bắt vít			
	CTS2.5UN	2.5mm ² - 24 A,800 V, 0.4Nm	7,000
	CTS4UN	4mm ² - 32 A ,800 V,0.5Nm	9,000
	CTS6U	6 mm ² - 41A,800 V, 0.8Nm	10,000
	CTS10U	10mm ² - 57A,800V,12Nm	13,000
	CTS16U	16mm ² - 76A,800v,2.0Nm	22,000
	CTS25U	25mm ² - 101A,1000V,2.0Nm	31,000
	CTS25UN	25mm ² - 101A,1000V,2.0Nm	33,000
	CTS35U	35mm ² - 125A,800V,2.5Nm	41,000
	CTS35UN	35mm ² - 125A,800V,2.5Nm	42,000
	CTS50U	50mm ² -150A, 1000V ,6.8Nm	135,000
	CTS95U	95mm ² - 232A,1000V, 10Nm	224,000
Miếng chặn cuối	EP2.5/4UN	CTS2.5UN / 4UN	4,000
	EP6/10U	CTS6U / 10U	5,000
	EP25U	CTS25U	8,000
	EP35U	CTS35U	10,000
Miếng chia	PP2.5/4UN	CTS2.5UN / 4UN	7,000
	PP6/10U	CTS6U / 10U	9,000
	PP25U	CTS25U	11,000
	PP35U	CTS35U	13,000
Miếng cách ly	SP2.5/4UN	CTS2.5UN / 4UN	3,000
	SP16U	CTS6U / 10U / 16U	3,000

Phiên đa kết nối

	CMC1-2	4mm ²	16,000
	CMC2-2	4mm ²	22,000
Miếng chặn cuối	EPCMC1-2	CMC1-2	7,000
	EPCMC2-2	CMC2-2	12,000

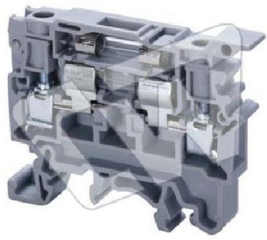
Phiên nối 2 mức

	CDL4U	4mm ² -32A,500V,0.5Nm	21,000
	CDL4U(I.S)	4mm ² -32A,500V,0.5Nm	26,000
	CDL4UN	4mm ² -32A,800V,0.5Nm	21,000
	CDL4UN(I.S)	4mm ² -32A,800V,0.5Nm	26,000
	CDLG2.5		112,000
Miếng chặn cuối	EPCDL4U	CDL4U/CDL4U(I.S)	6,000
Miếng chia	SPCDL4U	CDL4U/CDL4U(I.S)	3,000

Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn Giá VND
Phiên nối 2 mức offset			
	ODL4U	4mm ² -32A,630V,0.5Nm	22,000
	ODL4UA	4mm ² -32A,630V,0.5Nm	22,000
Miếng chặn cuối	EPODL4U	Mặt trước ODL4U / ODL4UA	11,000
	EP1ODL4U	Mặt sau ODL4U / ODL4UA	5,000
Phiên nối 3 mức			
	CTL2.5U	2.5mm ² -24A,400V,0.4Nm	42,000
	CTL2.5UH	2.5mm ² -24A,400V,0.4Nm	26,000
	CTL2.5UL	2.5mm ² -24A,400V,0.4Nm	62,000
	CTL2.5UHL	2.5mm ² -24A,400V,0.4Nm	39,000
	CTL2.5U(I.S)	2.5mm ² -24A,400V,0.4Nm	45,000
	CTL2.5UH(I.S)D2	2.5mm ² -24A,400V,0.4Nm	54,000
	CTLG2.5	2.5mm ² -24A,440V,0.5Nm	147,000
	CTL2.5(E)MOV	2.5mm ²	
Miếng chặn cuối	EPCTL2.5U	CTL2.5U / UL / I.S	11,000
	EPCTL2.5UH	CTL2.5UH / UHL / D2	8,000
Phiên nối đất			
	CGT4U	4mm ² -32A,0.5Nm	41,000
	CGT4N	6mm ² -32A,0.5Nm	42,000
	CGT6N	4mm ² -41A,0.8Nm	49,000
	CGT10U	10mm ² -57A,1.2Nm	53,000
	CGT10N	10mm ² -57A,12Nm	53,000
	CGT16N	16mm ² -76A,2Nm	64,000
	CGT35U	35mm ² -125A,2.5Nm	120,000
	CGMT4	4mm ² -32A,0.5Nm	24,000
	Miếng chặn cuối	EPCGT4U	CGT4U
Phiên nối cầu chì đơn			
	CSFL4U	4mm ² -10A,500V,0.5Nm Ø5 x 20/25 mm Fuse	37,000
	CF4U	4mm ² -10A,500V,0.5Nm Ø5 x 20/25 mm Fuse	37,000
	CSFL4U/WF	4mm ² -10A,500V,0.5Nm Ø5 x 20/25 mm Fuse	34,000
	CSFL4U(L)24V	4mm ² -10A,500V,0.5Nm Ø5 x 20/25 mm Fuse	50,000
	CF4U(L)	4mm ² -10A,500V,0.5Nm Ø5 x 20/25 mm Fuse	50,000
	CSFL4U(L)/WF 24V	4mm ² -10A,500V,0.5Nm Ø5 x 20/25 mm Fuse	49,000
	CSFL4U(L)48V	4mm ² -10A,500V,0.5Nm Ø5 x 20/25 mm Fuse	50,000
	CSFL4U(L)/WF 48V	4mm ² -10A,500V,0.5Nm Ø5 x 20/25 mm Fuse	49,000


	CSFL4U110V	4mm ² -10A,500V,0.5Nm Ø5 x 20/25 mm Fuse	50,000
	CSFL4U(L)/WF110V	4mm ² -10A,500V,0.5Nm Ø5 x 20/25 mm Fuse	49,000
	CSFL4U(L)220V	4mm ² -10A,500V,0.5Nm Ø5 x 20/25 mm Fuse	50,000
Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn Giá VND

Phiên nối cầu chì đơn


	CSFL4U(L)/WF220V	4mm ² -6.3A,1000V,0.5Nm	49,000
	CSFL4U(L)440V	4mm ² -6.3A,1000V,0.5Nm	50,000
	CSFL4U(L)/WF440V	4mm ² -6.3A,1000V,0.5Nm	49,000
	CSFL6U	6 mm ²	47,000
	CSFL6U/WF	6 mm ²	46,000
	CAFL4U	4mm ² -6.3A,1100V,0.5Nm Ø1/4" x1 1/4" Fuse	47,000
	CAFL4U/WF	4mm ² -6.3A,1100V,0.5Nm Ø1/4" x1 1/4" Fuse	45,000
	CAFL4UL24V	4mm ² -6.3A,1100V,0.5Nm Ø1/4" x1 1/4" Fuse	61,000
	CAFL4UL48V	4mm ² -6.3A,1100V,0.5Nm Ø1/4" x1 1/4" Fuse	61,000
	CAFL4UL110V	4mm ² -6.3A,1100V,0.5Nm Ø1/4" x1 1/4" Fuse	61,000
	CAFL4UL/WF110V	4mm ² -6.3A,1100V,0.5Nm Ø1/4" x1 1/4" Fuse	59,000
	CAFL4UL220V	4mm ² -6.3A,1100V,0.5Nm Ø1/4" x1 1/4" Fuse	61,000
	CAFL4UL/WF220V	4mm ² -6.3A,1100V,0.5Nm Ø1/4" x1 1/4" Fuse	59,000
	CAFL4UN110V	4mm ² -6.3A,1100V,0.5Nm Ø1/4" x1 1/4" Fuse	61,000
	CAFL4UN/WF110V	4mm ² -6.3A,1100V,0.5Nm Ø1/4" x1 1/4" Fuse	59,000
CAFL4UN300V	4mm ² -6.3A,1100V,0.5Nm Ø1/4" x1 1/4" Fuse	61,000	
Miếng chặn cuối	EPCSFL4U	CSFL4U / 4U(L)	6,000
	EPCSFL6U	CSFL6U	7,000
	EPCAFL4U	CAFL4U/4UL/4UN	7,000
Miếng cách ly	PPCSFL4U	CSFL4U / 4U(L)	9,000

Phiên nối 2 cầu chì


	DDFL4U	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	54,000
	DDFL4U/WF	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	52,000
	DDFL4U LR	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	65,000
	DDFL4U/WF LR	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	62,000
	DDFL4U(E)24V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	67,000

	DDFL4U/WF(E)24V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	66,000
	DDFL4U(E)48V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	67,000
	DDFL4U/WF(E)48V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	66,000
	DDFL4U(E)110V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	67,000
	DDFL4U/WF(E)110V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	66,000
	DDFL4U(E)220V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	67,000
	DDFL4U/WF(E)220V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	66,000
	DDFL4U(E)440V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	67,000
	DDFL4U/WF(E)440V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	66,000
	DDFL4U(E)4U(E)LR24V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	77,000
	DDFL4U(E)4U(E)LR/WF24V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	75,000
	DDFL4U(E)4U(E)LR 48V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	77,000
	DDFL4U(E)4U(E)LR/WF48V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	75,000
	DDFL4U(E)4U(E)LR110V	4mm ² -6.3/32 A ,800V, 0.5 Nm	77,000
Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kĩ thuật	Đơn Giá VND


Phiên nối 2 cầu chì


	DDFL4U(E)4U(E)LR/WF110V	4mm ² -6.3/32 A , 800V, 0.5 Nm	75,000
	DDFL4U(E)4U(E)LR220V	4mm ² -6.3/32 A , 800V, 0.5 Nm	77,000
	DDFL4U(E)4U(E)LR/WF 220V	4mm ² -6.3/32 A , 800V, 0.5 Nm	75,000
	DDFL4U(E)4U(E)LR 440V	4mm ² -6.3/32 A , 800V, 0.5 Nm	77,000
	DDFL4U(E)4U(E)LR/WF 440V	4mm ² -6.3/32 A , 800V, 0.5 Nm	75,000
Miếng chặn cuối	EPDDL4U	DDFL4U	11,000

Phiên kiểm tra và ngắt kết nối

	CDDTU	6 mm ² - 41A, 800 V , 1.2 Nm	52,000
	CDDTUSH	6 mm ² -10A , 300 V , 1.2 Nm	106,000
	CKT4U	4mm ² -17.5 A, 800v, 0.5 Nm	33,000
	CKT4U/S	4mm ² -17.5 A, 800v, 0.5 Nm	28,000
	CKT4U/4	4mm ² -17.5 A, 800v, 0.5 Nm	53,000
	CSDL4U	4mm ² - 14A , 500V , 0.8Nm	39,000
	CSDL6U	6 mm ²	53,000
	DDDL4U	4mm ² -14/32A ,500v ,0.8 Nm	59,000
	CDS6U	6mm ² -41A,800V,0.8Nm	61,000
	CDS6U/SC	6mm ² -41A,800V,0.8Nm	80,000
	CDS6U/FT	6mm ² -41A,1000V,0.8Nm	49,000
	CDS6U/TS	6mm ² -41A,630V,0.8Nm	75,000
	Miếng chặn cuối	EPCDDTU	CDDTU / CDDTUSH
	EPCKT4U	CKT4U	7,000
	EPCSDL4U	CSDL4U	6,000
	EPCSDL6U	CSDL6U	10,000
	EPDDL4U	DDDL4U	12,000
Miếng cách ly	PPCSDL4U	CSDL4U	9,000

Khối Phân phối


	CDB4/1	4 ngõ ra 4mm ² - 800V ,76A, 2.0Nm	97,000
	CDB4/2	8 ngõ ra 4mm ² - 800V ,76A, 2.0Nm	113,000
	CDB4/3	12 ngõ ra 4mm ² - 800V ,76A, 2.0Nm	134,000
	CDB4/4	16 ngõ ra 4mm ² - 800V ,76A, 2.0Nm	171,000
	CDB4/5	20 ngõ ra 4mm ² - 800V ,76A, 2.0Nm	179,000
	CDB4/6	24 ngõ ra 4mm ² - 800V ,76A, 2.0Nm	201,000
	CDB4/2(1)	6 ngõ ra 4mm ² - 800V ,76A, 2.0Nm	104,000
	CDB4/3(1)	8 ngõ ra 4mm ² - 800V ,76A, 2.0Nm	113,000
	CDB4/4(1)	10 ngõ ra 4mm ² - 800V ,76A, 2.0Nm	122,000
	CDB4/5(1)	12 ngõ ra 4mm ² - 800V ,76A, 2.0Nm	134,000
	CDB4/6(1)	16 ngõ ra 4mm ² - 800V ,76A, 2.0Nm	143,000
	CDB4/10(1)	20 ngõ ra 4mm ² - 800V ,76A, 2.0Nm	188,000
	CDB4/11(1)	24 ngõ ra 4mm ² - 800V ,76A, 2.0Nm	197,000
	CDB6/2	8 ngõ ra 6mm ² - 800V ,101A, 3.0Nm	124,000
	CDB6/3	12 ngõ ra 6mm ² - 800V ,101A, 3.0Nm	148,000
	CDB6/4	16 ngõ ra 6mm ² - 800V ,101A, 3.0Nm	171,000
	CDB10/2	8 ngõ ra 6mm ² - 800V ,125A, 6.0Nm	149,000
	CDB10/3	12 ngõ ra 6mm ² - 800V ,125A,6.0Nm	179,000
	CDB10/4	16 ngõ ra 6mm ² - 800V ,125A, 6.0Nm	209,000

Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn Giá VND
Khối Phân phối			
	CDB25/2	8 ngõ ra 25mm ² -800V,101A,6.0Nm	212,000
	CDB25/3	12 ngõ ra 25mm ² -800V,101A,6.0Nm	259,000
	CDB25/4	16 ngõ ra 25mm ² -800V,101A,6.0Nm	306,000
	CMDB4/2	4 ngõ ra 4mm ² - 1000V ,32A,0.5Nm	28,000
	CMDB4/3	6 ngõ ra 4mm ² - 1000V ,32A,0.5Nm	39,000
	CMDB4/4	8 ngõ ra 4mm ² - 1000V ,32A,0.5Nm	51,000
	CMDB4/10	20 ngõ ra 4mm ² - 1000V ,32A,0.5Nm	120,000
	CMDB6/2	4 ngõ ra 6mm ² -1000V,41A,0.8Nm	31,000
	CMDB6/3	6 ngõ ra 6mm ² -1000V,41A,0.8Nm	44,000
	CMDB6/4	8 ngõ ra 6mm ² -1000V,41A,0.8Nm	57,000
	CMDB6/10	20 ngõ ra 6mm ² - 1000V,41A, 0.8Nm	135,000
	CMDB10/2	4 ngõ ra 10mm ² -1000V,57A, 1.2Nm	37,000
	CMDB10/3	6 ngõ ra 10mm ² -1000V,57A, 1.2Nm	53,000
	CMDB10/4	8 ngõ ra 10mm ² -1000V,57A, 1.2Nm	68,000
	CMDB10/10	20 ngõ ra 10mm ² -1000V,57A, 1.2Nm	163,000
	DB16	4 ngõ ra 16mm ² 1100V,76A,1.2 /0.8Nm	177,000
	DB35	4 ngõ ra 16mm ² 1100V,76A,1.2 /0.8Nm	259,000

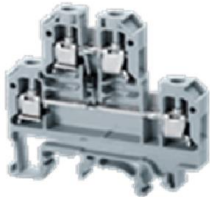
Phiên cặp nhiệt

	CTT2.5UK	2.5mm ² -24A 1000V 0.4Nm	45,000
	CTT2.5UJ	2.5mm ² -24A 1000V 0.4Nm	61,000
	CTT2.5UT	2.5mm ² -24A 1000V 0.4Nm	61,000
	CTT2.5UE	2.5mm ² -24A 1000V 0.4Nm	61,000
Miếng chặn cuối	EP2.5/4UN	CTT2.5UK/J/T/E	4,000
Miếng cách ly	PP2.5/4UN	CTT2.5UK/J/T/E	7,000
Miếng chia	SP2.5/4UN	CTT2.5UK/J/T/E	3,000



Phiến nối cho môi trường ăn mòn cao

	CTS2.5UNCR	2.5mm ² 24A, 1000V, 0.4Nm	10,000
	CTS4UNCR	4mm ² -32A, 1000V, 0.5Nm	11,000
	CTS6UCR	6 mm ² -41A, 1000V, 0.8Nm	14,000
	CTS10UCR	10mm ² -57A, 1000V, 1.2Nm	17,000
	CTS16UCR	16mm ² -76A, 1000V, 1.2Nm	25,000
	CTS25UCR	25mm ² -101A, 1000V, 2.0Nm	29,000
	CTS35UCR	35mm ² -125A, 1100V, 2.5Nm	50,000

Phiến nối phụ kiện hoạt tính

	CDL4U(E)D1	4mm ² -500V ,32A ,0.5Nm	29,000
	CDL4U(E)D2	4mm ² -500V ,32A ,0.5Nm	29,000
	CDL4U(E)D3	4mm ² -500V ,32A ,0.5Nm	29,000
	CDL4U(E)DD1	4mm ² -500V ,32A ,0.5Nm	30,000
	CDL4U(E)DD2	4mm ² -500V ,32A ,0.5Nm	30,000
	CDL4U(E)DD3	4mm ² -500V ,32A ,0.5Nm	30,000
	CDL4U(E)DD4	4mm ² -500V ,32A ,0.5Nm	30,000
	Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kĩ thuật

Phiến nối phụ kiện hoạt tính


	CDL4U(E)D412V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	30,000
	CDL4U(E)D424V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	30,000
	CDL4U(E)DD512V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	31,000
	CDL4U(E)DD524V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	31,000
	CDL4U(E)N1110V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	30,000
	CDL4U(E)N1220V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	30,000
	CDL4U(E)LD524V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	31,000
	CDL4U(E)LD548V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	31,000
	CDL4U(E)LD5110V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	31,000
	CDL4U(E)LD5220V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	31,000
	CDL4U(E)LD312V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	30,000
	CDL4U(E)LD324V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	30,000
	CDL4U(E)LD424V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	30,000
	CDL4U(E)LD448V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	30,000
	CDL4U(E)LD124V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	30,000
	CDL4U(E)LD224V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	30,000
	CDL4U(E)L16V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	31,000
	CDL4U(E)L124V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	31,000
	CDL4U(E)L160V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	31,000
	CDL4U(E)L26V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	31,000
	CDL4U(E)L224V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	31,000
	CDL4U(E)L260V	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	31,000
	CDL4U(O)	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	21,000
	Miếng cách ly	CDL4USP	CDL4U(E) Series

	Phiên nối loại nhỏ (Micro)		
	CMT4	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	7,000
	Micro 2 vít kẹp và 2 điểm hàn		
	CMT4S	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	9,000
	Micro 2 điểm hàn không đều		
	CMT4SU	4mm ² -500V,32A,0.5Nm	9,000
Miếng chặn cuối	EPCMT4	CMT4/4S/4SU	3,000
Miếng cách ly	PPCMT4	CMT4/4S/4SU	4,000


Ngàm tiếp đất hay trung tính

	CENC4	4mm ² , lục	5,000
	CENC4G	4mm ² , nâu	5,000
	CENC4BU	4mm ² , da trời	6,000
	CENC4BK	4mm ² , đen	6,000
	CENC16	16 mm ² , lục	7,000
Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kĩ thuật	Đơn Giá VND


Ngàm tiếp đất hay trung tính

	CENC16G	16 mm ² , nâu	7,000
	CENC16BU	16 mm ² , da trời	8,000
	CENC16BK	16 mm ² , đen	8,000
	CENC35	35 mm ² , lục	13,000
	CENC35G	35 mm ² , nâu	13,000
	CENC35BU	35 mm ² , da trời	14,000
	CENC35BK	35 mm ² , đen	14,000
Phụ kiện lắp cho CENC4 / 16 / 35	NEB6 (6 x 6 x 1000 mm)	Thanh cái đồng	402,000
	NEB10 (10 x 3 x 1000 mm)	Thanh cái đồng	402,000
	NES	giá đỡ thanh cái	7,000
	CA202	Miếng chặn thanh cái	17,000


Phiên nối bắt trực tiếp lên tủ

	CMB4	4mm ²	7,000	
	Miếng chặn cuối	EPCMB4	CMB4	5,000
	Miếng chia	SPCMB4	CMB4	3,000


Phiên nối điện áp cao


	CHV4U	4mm ² -32A,2000V,0,5Nm	14,000
	CHV6U	6mm ² -41A,2000V,0.8Nm	16,000
	CHV10U	10mm ² -57A,2000V,1.2Nm	22,000

Phiến nối có lò xo ép


	CTS4USC	4mm ² -32A,1250V,0.5Nm	19,000
	CTS6USC	6mm ² -41A,1250V,0.5Nm	21,000
	CTS10USC	4mm ² -57A,1250V,0.5Nm	26,000
Miếng chặn cuối	EPUSC		8,000

Phiến nối kiểu đầu cosse


	CSTSN4U	10mm ² -57A,1000V,1.2Nm	27,000
	CSTSN5U	16mm ² -76A,1000V,1.2Nm	32,000
	CSTSN6U	35mm ² -125A,1000V,1.2Nm	46,000
	CSTSB4U	10mm ² -57A,1000V,1.2Nm	27,000
	CSTSB5U	16mm ² -76A,1000V,1.2Nm	31,000
Miếng chặn cuối	EPCSTSN5U	CSTSN4 / N5 / N6 / B4 / B5U	5,000

Mũ chụp dùng cho CSTSN4U / N5U / N6U / B4U / B5U			
	CSTSPC1	2 Terminal	9,000
	CSTSPC1-1		13,000
Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn Giá VND
Mũ chụp dùng cho CSTSN4U / N5U / N6U / B4U / B5U			
	CSTSPC1-2	100 mm	25,000
	CSTSPC1-3	200 mm	43,000
	CSTSPC1-4	300 mm	67,000


Đầu nối bảng lẻ dạng đầu cosse

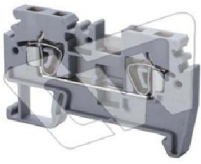
	STH4	6mm ² -41A,1000V,1.2Nm	28,000
	STH4DT	6mm ² -41A,1000V,0.4Nm	54,000
	STH4DTSH	6mm ² -41A,1000V,1.2Nm	114,000
Miếng chặn cuối	EPSTH4	STH4	8,000
	EPSTH4DT	STH4DT	10,000

Phiến nối dây cỡ lớn


	PTB35/50	50mm ² -150A,2000V,3.0Nm	113,000
	PTB35/50SH	50mm ² -115A,2000V,3.0Nm	132,000
	PTB70/95	50mm ² -232A,2000V,10.0Nm	141,000
	PTB70/95SH	50mm ² -232A,2000V,10.0Nm	160,000
	MHPTB35		5,000
	PSPTB35		9,000

Kẹp nối


	CTC4U	4mm ² -32A.300V	16,000
	CSTSB3MT	4mm ²	54,000
	CTS4UT	4mm ²	15,000
	CTS4UTM	4mm ²	16,000
	CDL4UTM	4mm ²	38,000
Miếng chặn cuối	EPCTC4U	CTC4U	6,000
	CSTSEP2	CSTSB3MT	5,000
	EP2.5/4UN	CTS4UT / CTS4UTM	4,000
	EPCDL4U	CDL4UTM	6,000

	CSC2.5T	2.5mm ² -24A,800V	7,000
	CSC4T	4mm ² -32A,800V	10,000
	CSC6T	6 mm ² -41A,800V	20,000
	CSC10T	10mm ² -57A,800V	40,000
	CSC16T	16mm ² -76A,800V	49,000
Miếng chặn cuối	EPCSC2.5T	CSC2.5T	5,000
	EPCSC4T	CSC4T	8,000
	EPCSC6T	CSC6T	10,000
	EPCSC10T	CSC10T	10,000
	EPCSC16T	CSC16T	11,000
Miếng cách ly	PPCSC2.5T	CSC2.5T	7,000
	PPCSC4T	CSC4T	9,000
	PPCSC6T	CSC6T	11,000
Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kĩ thuật	Đơn Giá VND


Phiên kiểu lò xo đa kết nối

	CSC2.5T1-2	2.5mm ² -24A,800V	12,000
	CSC2.5T2-2	2.5mm ² -24A,800V	15,000
	CSC4T1-2	4mm ² -32A,800V	18,000
	CSC4T2-2	4mm ² -32A,800V	22,000
	CSC6T1-2	6 mm ² -41A,800V	35,000
	CSC2.5T/4(E)D3	2.5mm ² -24A,800V	22,000
	CSC4T(E)D1	4mm ² -32A,800V	16,000
	CSC4T(E)D2	4mm ² -32A,800V	16,000
Miếng chặn cuối	EPCSC2.5T1-2	CSC2.5T1-2	6,000
	EPCSC4T1-2	CSC4T1-2	8,000
	EPCSC6T1-2	CSC6T1-2	13,000
	EPCSC2.5T2-2	CSC2.5T2-2 / 4(E)D3	8,000
	EPCSC4T2-2	CSC4T2-2	10,000


Phiên lò xo nổi đất

	CSCG2.5T	2.5mm ² -24A,800V	39,000
	CSCG4T	4mm ² -32A,800V	44,000
	CSCG6T	6 mm ² -41A,800V	58,000
	CSCG10T	10mm ² -57A,800V	73,000
	CSCG16T	16mm ² -76A,800V	107,000

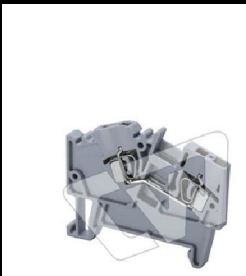
Phiên nổi lò xo gắn trực tiếp tử

	CSCP2.5T	2.5mm ² -24A,1000V	6,000
	CSCP2.5T2	2.5mm ² -24A,1000V	10,000
	CSC2.5T2-2P	2.5mm ² -24A,800V	17,000
Miếng chặn cuối	EPCSCP2.5T (Left & Right Set)	CSCP2.5T / 2.5T2	7,000


Phiến kiểm tra ngắt kết nối

	CSCDK2.5T	2.5mm ² -16A,600V	25,000
	CSCDK2.5T/4	2.5mm ² -16A,600V	39,000
	Miếng chặn cuối		
	EPCSCDK2.5T		5,000
	EPCSCDK2.5T/4		8,000


Phiến nối lò xo góc

	AS2.5	2.5mm ² - 24A,800V	7,000
	AS2.5/3	2.5mm ² - 24A,800V	12,000
	AS2.5/4	2.5mm ² - 24A,800V	15,000
	AS4	4mm ² -32A,800V	10,000
	AS4/3	4mm ² -32A,800V	18,000
	AS4/4	4mm ² -32A,800V	22,000
	AS6	6mm ² -41A,800V	20,000
	AS6/3	6mm ² -41A,800V	35,000
Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kĩ thuật	Đơn Giá VND


Phiến nối đất

	AGT2.5	2.5mm ² - 24A,800V	37,000
	AGT2.5/3	2.5mm ² - 24A,800V	38,000
	AGT2.5/4	2.5mm ² - 24A,800V	47,000
	AGT4	4mm ² -32A,800V	44,000
	AGT4/3	4mm ² -32A,800V	47,000
	AGT4/ 4	4mm ² -32A,800V	53,000
	AGT6	6 mm ² -41A,800V	58,000
	AGT6/3	7 mm ² -41A,800V	70,000
	Miếng chặn cuối	EPAS2.5	AGT/AS2.5/3/4
EPAS4		AGT/AS4/3/4	7,000
EPAS6		AGT/AS6/3	11,000


Phiến nối cầu chì đơn

	ASF4	4mm ² -6.3A,1000V	41,000
	ASF4/WF	4mm ² -6.3A,1000V	40,000
	ASF4(L)24V	4mm ² -6.3A,1000V 24V AC/DC	53,000
	ASF4(L)24V/WF	4mm ² -6.3A,1000V 24V AC/DC	52,000
	ASF4(L)110V	4mm ² -6.3A,1000V 24V AC/DC	53,000
	ASF4(L)110V/WF	4mm ² -6.3A,1000V 24V AC/DC	52,000
	Miếng chặn cuối	EPASF4	ASF4/ASF4(L)

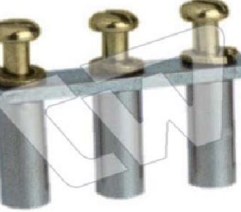
Phiến nối 2 cầu chì


	ADL2.5	2.5mm ² -24A,800V	23,000
	ADL2.5(E)D1	2.5mm ² -24A,800V	38,000
	ADL2.5(E)D2	2.5mm ² -24A,800V	38,000
Miếng chặn cuối	EPADL2.5	ADL2.5/(E)D1/(E)D2	9,000

Phụ kiện cho phiên nối Polyamide Series


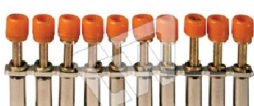
	CA721/2	CTS2.5UN	8,000
	CA721/3		11,000
	CA721/4		15,000
	CA721/10		39,000
	CA721/100 ²		388,000
	CA722/2	CTS4UN	8,000
	CA722/3	CMC1-2	11,000
	CA722/4	CMC2-2	15,000
	CA722/10	CTS4UTM	39,000
	CA722/100 ²	CKT4U	388,000
	CA723/2	CTS6U, CDTTU1	9,000
	CA723/3	CDTTU-SH1	14,000
	CA723/4	CSDL6U1	19,000
	CA723/10	CSFL6U1	47,000
Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kĩ thuật	Đơn Giá VND


Phụ kiện cho phiên nối Polyamide Series

	CA724/2	CTS10U	10,000
	CA724/3		15,000
	CA724/4		20,000
	CA724/10		49,000
	CA751/2	CTS16U	11,000
	CA751/3		17,000
	CA751/4		23,000
	CA751/10		61,000
	CA726/2	CTS35U	13,000
	CA726/3		18,000
	CA726/4		23,000
	CA726/10		61,000
	CA771/2	CTS35UN	13,000
	CA771/3		18,000
	CA771/4		23,000
	CA771/10		61,000
	CA727/2	CMT4, CMT4S	8,000
	CA727/3	CMB4	11,000
	CA727/4	CDL4U	15,000
	CA727/10	CDL4U(I.S) ODL4U CDL4UTM	39,000
	CA729/2	DDFL4U, 4U(E)	9,000
	CA729/3	DDDL4U	14,000
	CA729/4	CSFL4U1,4U(L)1	19,000
	CA729/10	CSDL4U	47,000
	CA722/2	CTL2.5U	8,000
	CA722/3	CTL2.5UH	11,000
	CA722/4	CTL2.5UL	15,000
	CA722/10	CTL2.5UHL	39,000
CA722/100 ²	CTL2.5U(I.S)	388,000	

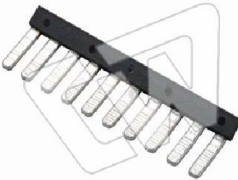

	CA741/2	CTS2.5UN	17,000
	CA741/3		25,000
	CA741/4		34,000
	CA741/10		84,000
	CA741/100 ²		843,000
	CA742/2	CTS4UN	17,000
	CA742/3	CMC1-2	25,000
	CA742/4	CMC2-2	34,000
	CA742/10	CTS4UTM	84,000
	CA742/100 ²	CKT4U	843,000
	CA743/2	CTS6U, CDTTU1	18,000
	CA743/3	CDTTU-SH1	27,000
	CA743/4	CSDL6U1	36,000
	CA743/10	CSFL6U1	90,000
	Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kĩ thuật


Phụ kiện cho phiên nối Polyamide Series

	CA744/2	CTS10U	19,000
	CA744/3		28,000
	CA744/4		37,000
	CA744/10		94,000
	CA761/2	CTS16U	25,000
	CA761/3		39,000
	CA761/4		50,000
	CA761/10		126,000
	CA745/2	CTS25U	25,000
	CA745/3		38,000
	CA745/4		50,000
	CA745/10		126,000
	CA746/2	CTS35U	29,000
	CA746/3		43,000
	CA746/4		57,000
CA746/10		137,000	
CA781/2	CTS35UN	29,000	
CA781/3		43,000	
CA781/4		57,000	
CA781/10		137,000	
	CA747/2	CMT4, CMT4S	17,000
	CA747/3	CMB4	25,000
	CA747/4	CDL4U	34,000
	CA747/10	CDL4U(I.S) ODL4U CDL4UTM	84,000
	CA749/2	DDFL4U, 4U(E)	18,000
	CA749/3	DDDL4U	28,000
	CA749/4	CSFL4U1,4U(L)1	36,000
	CA749/10	CSDL4U	90,000
	CA717/2	CTS2.5UN	12,000
	CA717/3		17,000
CA717/4		23,000	
CA717/10		45,000	



	CA713/2	CTS4UN	12,000	
	CA713/3	CMC1-2	17,000	
	CA713/4	CMC2-2	23,000	
	CA713/10	CTS4UTM CKT4U	45,000	
	CA710/2	CTS6U, CDTTU1	13,000	
	CA710/3	CDTTU-SH1	20,000	
	CA710/4	CSDL6U1	27,000	
	CA710/10	CSFL6U1	51,000	
	CA718/2	CTS10U	15,000	
	CA718/3		23,000	
	CA718/4		31,000	
	CA718/10		59,000	
	Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kĩ thuật	Đơn Giá VND

Phụ kiện cho phiên nối Polyamide Series

	CA714/2	CMT4, CMT4S	12,000
	CA714/3	CMB4	17,000
	CA714/4	CDL4U	23,000
	CA714/10	CDL4U(I.S) ODL4U CDL4UTM	45,000
	CA711/2	DDFL4U, 4U(E)	13,000
	CA711/3	DDDL4U	20,000
	CA711/4	CSFL4U1,4U(L)1	27,000
	CA711/10	CSDL4U	51,000
	CA716/2	CAFL4U1	13,000
	CA716/3	CAFL4U(L)1	20,000
	CA716/4		27,000
	CA716/10		51,000
	CA715/2	CTL2.5U	12,000
	CA715/3	CTL2.5UH	17,000
CA715/4	CTL2.5UL	23,000	
CA715/10	CTL2.5UHL CTL2.5U(I.S)	45,000	
	CA703/01	CTS2.5UN	2,000
	CA704/01		2,000
	CA705/01		3,000
	CA731/10		9,000
	CA731/100 ²		91,000
	CA703/1	CTS4UN	2,000
	CA704/1	CMC1-2	2,000
	CA705/1	CMC2-2	3,000
	CA732/10	CTS4UTM	9,000
	CA732/100 ²	CKT4U	96,000
	CA732/10-A		10,000
	CA703/2	CTS6U, CDTTU1	2,000
	CA704/2	CDTTU-SH1	2,000
	CA705/2	CSDL6U1	3,000
CA733/10	CSFL6U1	13,000	
CA703/3	CTS10U	2,000	
CA704/3		3,000	
CA705/3		4,000	



	CA734/10		16,000	
	CA703/8	CTS16U	3,000	
	CA704/8		4,000	
	CA705/8		5,000	
	CA739/10		19,000	
	CA703/4	CTS25U	3,000	
	CA704/4		4,000	
	CA705/4		5,000	
	CA735/10		19,000	
	CA703/5	CTS35U	3,000	
	CA704/5		4,000	
	CA705/5		6,000	
	CA736/10		22,000	
	Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kĩ thuật	Đơn Giá VND

Phụ kiện cho phiên nối Polyamide Series

	CA703/1	CMT4, CMT4S	2,000
	CA704/1	CMB4	2,000
	CA705/1	CDL4U	3,000
	CA732/10	CDL4U(I.S)	9,000
	CA732/100 ²	ODL4U	96,000
	CA732/10-A	CDL4UTM	10,000
	CA703/6	DDFL4U, 4U(E)	2,000
	CA704/6	DDDL4U	2,000
	CA705/6	CSFL4U1,4U(L)1	3,000
	CA737/10	CSDL4U	13,000
	CA703/1	CTL2.5U	2,000
	CA704/1	CTL2.5UH	2,000
	CA705/1	CTL2.5UL	3,000
	CA732/10	CTL2.5UHL	9,000
CA732/100 ²	CTL2.5U(I.S)	96,000	
CA732/10-A		10,000	
	CA707/S/Q/01	CTS2.5UN	3,000
	CA707/S/Q/01	CTS4UN	3,000
		CMC1-2	
		CMC2-2	
		CTS4UTM	
		CKT4U	
	CA707/S/Q/1	CTS6U, CDTTU1	3,000
		CDTTU-SH1	
		CSDL6U1	
		CSFL6U1	
	CTS10U		
CA707/S/Q/5	CTS16U	4,000	
CA707/S/Q/2	CTS25U	4,000	
CA707/S/Q/2	CTS35U	4,000	
CA607/S/Q	CMT4, CMT4S	3,000	
	CMB4		
	CDL4U		
	CDL4U(I.S)		
	ODL4U		


		CDL4UTM	
	CA707/S/Q/3	DDFL4U, 4U(E) DDDL4U CSFL4U1,4U(L)1 CSDL4U	3,000
	CA707/S/Q/01	CTL2.5U CTL2.5UH CTL2.5UL CTL2.5UHL CTL2.5U(I.S)	3,000
Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kĩ thuật	Đơn Giá VND




Phụ kiện cho phiên nối Polyamide Series

	CA707/L/Q/01 CA707/L/Q/01	CTS2.5UN CTS4UN CMC1-2 CMC2-2 CTS4UTM CKT4U	3,000 3,000	
	CA707/L/Q/1	CTS6U, CDTTU1 CDTTU-SH1 CSDL6U1 CSFL6U1	4,000	
	CA707/L/Q/1 CA707/L/Q/1 CA707/L/Q/2 CA707/L/Q/2 CA707/S/Q/2 CA607/L/Q	CTS10U CTS16U CTS25U CTS35U CTS35UN CMT4, CMT4S, CMB4 CDL4U, CDL4U(I.S) CDL4UTM, ODL4U	4,000 4,000 7,000 7,000 7,000 3,000	
	CA707/L/Q/8	DDFL4U, 4U(E) DDDL4U CSFL4U1,4U(L)1 CSDL4U	4,000	
		CA706/01 CA706/1	CTS2.5UN CTS4UN CMC1-2 CMC2-2 CTS4UTM CKT4U	2,000 2,000
		CA706/2	CTS6U, CDTTU1 CDTTU-SH1 CSDL6U1 CSFL6U1	2,000
		CA706/3 CA706/8 CA706/4	CTS10U CTS16U CTS25U	2,000 3,000 3,000
		CA706/5	CTS35U	3,000
		CA703/10 CA704/10 CA705/10	CTS35UN	3,000

	CA770/10		
	CA706/1	CMT4, CMT4S CMB4 CDL4U CDL4U(I.S) ODL4U CDL4UTM	2,000
	CA706/6	DDFL4U, 4U(E) DDDL4U CSFL4U1,4U(L)1 CSDL4U	2,000
Hình ảnh	Mã Hàng	Thông số kĩ thuật	Đơn Giá VND

Chân cắm cho phiên nối lò xo

	CA801/1	CSC2.5T	5,000
	CA801/2	CSC4T	11,000
	CA801/3	CSC6T	17,000
	CA801/4	CSC10T	25,000
	CA801/5	CSC16T	36,000
	CA803/1	CSCP2.5T	5,000
	CA801/1	ADL2.5	5,000
	CA801/7	ASF4	11,000
	CA801/1	AS2.5	5,000
	CA801/2	AS4	11,000
	CA801/3	AS6	17,000
	CA801/1-3	CSC2.5T	9,000
	CA801/2-3	CSC4T	15,000
	CA801/3-3	CSC6T	20,000
CA801/1-3	ADL2.5	9,000	
CA801/1-3	AS2.5	9,000	
CA801/2-3	AS4	15,000	
CA801/3-3	AS6	21,000	
Dây chân cắm	CA901/1	CSC2.5T	28,000
	CA901/2	CSC4T	33,000
	CA901/3	CSC6T	46,000
	CA901/1	ADL2.5	28,000
	CA901/1	AS2.5	28,000
	CA901/2	AS4	33,000
	CA901/3	AS6	46,000
	CA901/4	CSC6T đến CSC4T	44,000
	CA901/5	CSC6T đến CSC2.5T	44,000
	CA901/6	CSC4T đến CSC2.5T	32,000

Thanh Chặn		
	CA702	9,000
	CA802	7,000
	CA103	8,000

Lưu ý:

- Bảng giá chưa có VAT 10%
- Giá sẽ thay đổi mà không cần báo trước
- Hàng xuất xứ tại Ấn độ có CO và giấy chứng nhận chất lượng
- Terminal làm từ nguyên liệu polyamide 66/1
- Kích thước phù hợp dây điện về điện trở suất.

Điều kiện giao hàng

- Đơn hàng dưới 5 triệu vui lòng mua trực tiếp tại Phúc Huy Hoàng
 - Đơn hàng từ 5 triệu trở lên, công ty Phúc Huy Hoàng sẽ giao tại kho của khách hàng trong phạm vi nt HN
- Đối với khách hàng ở Tỉnh thì gửi xe khách hoặc chuyển phát nhanh (phí vận chuyển khách hàng thanh toán)

Trân trọng kính chào